

Số: 13/2021/QĐST-VHNGĐ

TP. Sóc Trăng, ngày 04 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN CẶN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA CẶN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức C, miễn, giảm, C, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-VHNGĐ ngày 08-01-2021 về việc “Công nhận Cặn tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Bành Diệu T**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 105 đường X, Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 124 đường số A, Phường 11, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Mã Thị Minh C**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 105 X, Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 124 đường số A, Phường 11, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hôn nhân: Vào năm 1992, ông T và bà C tổ chức đám cưới và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 26-4-2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì đầu phát sinh mâu Cấn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, ông T và bà C đã ly thân. Mâu Cấn ngày càng trầm trọng. Nay ông T và bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết được Cặn tình ly hôn.

Xét thấy, thực trạng mâu Cấn giữa ông T và bà C đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân. Hiện nay, ông T và bà C không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự Cặn tình ly hôn của ông T và bà C.

[2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà C có 02 người con chung tên Bành Bồi E (nam, sinh ngày 01-6-1994) và Bành Bội S (nữ, sinh ngày 23-4-1999). Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà C thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà C mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa Cộn của ông, bà phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức C, miễn, giảm, C, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Cộn đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Cộn tình ly hôn và sự thỏa Cộn của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bành Diệu T và bà Mã Thị Minh C Cộn tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bành Diệu T và bà Mã Thị Minh C thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Bành Diệu T và bà Mã Thị Minh C mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Bành Diệu T và bà Mã Thị Minh C đã nộp theo biên lai C số 0004957 và 0004958 ngày 25-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Bành Diệu T và bà Mã Thị Minh C đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS thành phố S;
- UBND Phường 1, thành phố S.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh